

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
(đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét	05-40
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	10-40



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

CÔNG TY

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 063343 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 10 năm 1999 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301830116 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 26 tháng 4 năm 2012.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: 446 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Quang Kiên	Chủ tịch
Ông Trịnh Bá Bộ	Phó Chủ tịch
Ông Howang Yu Nam	Ủy viên
Ông Đoàn Đắc Học	Ủy viên
Ông Nguyễn Vũ Bảo Hoàng	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đoàn Đắc Học	Giám đốc	
Bà Dương Thị Bạch Xuyên	Phó Giám đốc	
Ông Hồ Trí Lượng	Phó Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 11/05/2016)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Huy Hiệp	Trưởng ban	
Ông Ngô Quý Dũng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 21/04/2016)
Ông Nguyễn Duy Hải	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 21/04/2016)
Ông Nguyễn Hoàng Ngọc Phương	Thành viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho Công ty.

311110
CHI N
CÔNG
HĂNG
TÂN 4-

S.N: 03
C
C
C
X
THÀNH

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2016

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc



Đoàn Đắc Học

5-006-C
HÀNH
TY TNHH
KIỂM TC
AASC
TP. HỒ

01838
NG T
PH
KH
G D
T. PH

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu được lập ngày 10 tháng 08 năm 2016, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2016

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Giám đốc



Ngô Minh Quý

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 2434-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		149.792.123.582	201.579.897.175
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	12.164.668.753	85.940.394.688
111	1. Tiền		12.164.668.753	7.324.130.195
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	78.616.264.493
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	59.812.046	59.812.046
121	1. Chứng khoán kinh doanh		355.000.000	355.000.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(295.187.954)	(295.187.954)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		84.362.854.131	58.955.618.647
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	79.074.998.091	37.593.999.347
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	6.145.319.523	16.425.265.784
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	2.772.722.304	8.570.954.163
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(3.661.904.869)	(3.661.904.869)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý	8	31.719.082	27.304.222
140	IV. Hàng tồn kho	10	43.028.067.601	55.660.473.665
141	1. Hàng tồn kho		43.028.067.601	55.660.473.665
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		10.176.721.051	963.598.129
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	2.277.271.276	358.188.754
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		7.787.653.110	450.599.673
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	111.796.665	154.809.702
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		142.013.297.603	25.187.683.686
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		565.000.000	615.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	565.000.000	615.000.000
220	II. Tài sản cố định		10.014.266.085	9.162.295.998
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	8.406.339.569	7.531.107.608
222	- Nguyên giá		49.397.469.792	47.639.276.729
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(40.991.130.223)	(40.108.169.121)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	1.607.926.516	1.631.188.390
228	- Nguyên giá		2.080.950.110	2.080.950.110
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(473.023.594)	(449.761.720)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		120.396.821.077	4.373.177.247
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	120.396.821.077	4.373.177.247
250	V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4	11.037.210.441	11.037.210.441
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		11.037.210.441	11.037.210.441
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		291.805.421.185	226.767.580.861

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		148.615.064.932	82.474.529.189
310	I. Nợ ngắn hạn		147.211.076.901	81.020.541.158
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	49.595.064.440	25.223.415.976
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	12.997.709.587	9.947.068.703
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	5.183.550.714	1.789.707.727
314	4. Phải trả người lao động		3.785.917.402	4.443.928.370
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	7.751.107.687	783.063.687
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	6.636.687.186	4.306.450.992
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	59.465.412.417	34.272.178.235
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.795.627.468	254.727.468
330	II. Nợ dài hạn		1.403.988.031	1.453.988.031
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	550.000.000	600.000.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	21	853.988.031	853.988.031
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		143.190.356.253	144.293.051.672
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	143.190.356.253	144.293.051.672
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		72.276.620.000	72.276.620.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		72.276.620.000	72.276.620.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		25.425.165.374	25.425.165.374
415	3. Cổ phiếu quỹ		(343.472.600)	(343.472.600)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		34.189.156.425	29.079.939.584
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		11.642.887.054	17.854.799.314
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		11.642.887.054	17.854.799.314
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		291.805.421.185	226.767.580.861

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2016

Người lập biểu

Phòng Kế toán

Giám đốc

Nguyễn Thị Hương Lê

Đỗ Thị Hồng Hạnh

Đoàn Đắc Học



00111
CHI
CÔNG
HÀNG
VĂN 4-

D.N. 03
C
C
C
X
THÀNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2016	đầu năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	340.822.651.700	438.456.928.161
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		340.822.651.700	438.456.928.161
11	4. Giá vốn hàng bán	25	299.207.336.142	388.929.585.476
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		41.615.315.558	49.527.342.685
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	1.259.195.022	543.072.318
22	7. Chi phí tài chính	27	1.379.196.179	131.185.509
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.340.748.188	144.541.162
25	8. Chi phí bán hàng	28	6.283.700.318	7.662.802.127
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	19.619.773.072	12.081.079.235
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		15.591.841.011	30.195.348.132
31	11. Thu nhập khác		365	32.420.446
32	12. Chi phí khác		-	4.928.095
40	13. Lợi nhuận khác		365	27.492.351
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		15.591.841.376	30.222.840.483
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	3.035.937.252	6.614.647.750
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>12.555.904.124</u>	<u>23.608.192.733</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	1.635	3.216

Người lập biểu

Phòng Kế toán

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2016

Giám đốc



Nguyễn Thị Hương Lê



Đỗ Thị Hồng Hạnh



Đoàn Đắc Học

05-00
NHÀ
CƠ KHÍ XĂNG DẦU
KIỂM
AASC
TP. HỒ
01838
CÔNG TY
CƠ KHÍ
XĂNG DẦU
T. P. HỒ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2016	đầu năm 2015
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		15.591.841.376	30.222.840.483
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		906.222.976	982.595.344
03	- Các khoản dự phòng		-	(337.257.782)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		23.758.328	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.102.931.338)	(18.021.074.845)
06	- Chi phí lãi vay		1.340.748.188	144.541.162
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		16.759.639.530	12.991.644.362
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(38.502.911.484)	21.894.526.338
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		12.632.406.064	(18.733.568.622)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		12.410.837.780	20.909.790.549
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.919.082.522)	35.708.883
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	309.805.451
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.314.979.843)	(144.541.162)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.550.448.196)	(5.318.699.187)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.693.056.073)	(1.542.364.989)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(4.177.594.744)	30.402.301.623
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(96.141.836.893)	(635.000.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	37.141.488.707
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.737.931.338	1.683.973.763
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(89.403.905.555)	38.190.462.470
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		113.975.353.087	9.603.760.340
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(88.782.118.905)	(31.386.370.736)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(5.370.337.090)	(5.820.563.750)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		19.822.897.092	(27.603.174.146)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2016	đầu năm 2015
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(73.758.603.207)	40.989.589.947
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		85.940.394.688	13.657.827.890
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(17.122.728)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>12.164.668.753</u>	<u>54.647.417.837</u>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2016

Người lập biểu

Phòng Kế toán

Giám đốc



Nguyễn Thị Hương Lê

Đỗ Thị Hồng Hạnh

Đoàn Đắc Học

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 063343 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 10 năm 1999 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301830116 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 26 tháng 4 năm 2012.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: 446 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 72.276.620.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 72.276.620.000 đồng; tương đương 7.227.662 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại, dịch vụ, xây lắp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn dụng cụ, thiết bị phòng cháy, chữa cháy; thiết bị cứu hộ, cứu sinh. Kinh doanh vật tư, thiết bị xăng dầu, kinh doanh cơ khí bao bì. Bán buôn dụng cụ, thiết bị phòng cháy chữa cháy; thiết bị cứu hộ, cứu sinh;
- Cài tạo xe chuyên dùng. Sửa chữa xe bồn các loại. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng đường bộ. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- Sản xuất, kinh doanh cơ khí bao bì. Đóng mới, sửa chữa bồn bể;
- Sản xuất xe có động cơ: xe bồn (trừ thiết kế phương tiện vận tải và chỉ đóng mới, sửa chữa và lắp đặt bồn, bể, thùng lên phương tiện có sẵn động cơ);
- Đóng mới và sửa chữa tàu, xà lan và các sản phẩm cơ khí khác;
- Thi công lắp đặt hệ thống xử lý nước thải;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công nghiệp;
- Mua bán ô tô vận tải chuyên dùng;
- Mua bán xăng, dầu;
- Kinh doanh bất động sản. Đầu tư xây dựng, cho thuê hạ tầng cơ sở khu công nghiệp, trung tâm thương mại;
- Đại lý bán lẻ xăng dầu;
- Xuất nhập khẩu nguyên liệu, thiết bị vật tư phục vụ cho sản xuất kinh doanh;
- Thi công lắp đặt hệ thống đường ống áp lực, hệ thống phòng cháy, chữa cháy;
- Sản xuất thiết bị cứu hộ, cứu sinh (không hoạt động tại trụ sở).

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

So với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này giảm 46,74% từ 23,6 tỷ VND xuống 12,5 tỷ VND. Nguyên nhân của việc sụt giảm này là do trong 6 tháng đầu năm 2015 Công ty có thực hiện chuyển nhượng bất động sản là Quyền sử dụng đất tại Phường Tân Bình, thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương với lợi nhuận sau thuế là 13,698 tỷ đồng và năm nay không còn hoạt động này phát sinh nữa.

Ngoài ra, trong kỳ này, ngành hàng thùng, phuy của Công ty cũng tăng trưởng tốt góp phần làm tăng lợi nhuận so với kỳ trước.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ Khí Xăng Dầu - Cửa hàng bán lẻ Xăng dầu Tân Bình Kim Hương	Cụm công nghiệp Tân Bình, Xã Tân Bình, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh xăng dầu
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ Khí Xăng Dầu - Cửa hàng bán lẻ Xăng dầu Thăng Lợi (*)	Đường Xuyên Á, Ấp Tân Hòa, Xã Đông Hòa, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh xăng dầu
- Cửa hàng bán lẻ Xăng dầu Thủ Đức	610 Xa lộ Đại Hàn, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh xăng dầu
- Cửa hàng bán lẻ Xăng dầu Bạch Đằng	469 Bạch Đằng, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh xăng dầu
- Cửa hàng bán lẻ Xăng dầu Chiến Thắng	2A/7172 ấp 2 Xã Phạm Văn Hai, Huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh xăng dầu

(*) Căn cứ theo Nghị quyết HĐQT lần thứ 27 nhiệm kỳ IV ngày 14/03/2016, Hội đồng quản trị Công ty đã quyết nghị giải thể Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ Khí Xăng Dầu - Cửa hàng bán lẻ Xăng dầu Thăng Lợi.

Thông tin về công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

83
IG
PH
KH
D
T.P.V

15-01
NHÀ
T.Y.T
KIỂM
AAS
-T.P.V

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch thì tỷ giá này phải đảm bảo chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

116
Y
N
U
CHÍ

16-C.T.T.A
NH
NH
I TOÁN
C
HỒ CHÍ

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ

- *Đối với công trình xây dựng*: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.
- *Đối với sản xuất thành phẩm*: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.



2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	40 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí thi công các công trình đã nghiệm thu, bàn giao được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

J5-0
HÁ
TY TI
IỂM
ASC
P.H.C

18387
VGT
PHÂN
KHÍ
G DÀI
T.P.HỒ

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong Giám đốc phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

06-C
NH
IHH
TOÁ
CHỈ

06-C.1.u
CHI MINH

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	640.970.223	1.147.145.558
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.523.698.530	6.176.984.637
Các khoản tương đương tiền	-	78.616.264.493
	12.164.668.753	85.940.394.688

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy sản Út Xi (UTXI) ⁽¹⁾	355.000.000	(295.187.954)	355.000.000	(295.187.954)
	355.000.000	(295.187.954)	355.000.000	(295.187.954)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(1) Công ty đánh giá giá trị dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh căn cứ vào Báo cáo tài chính Quý II/2016 chưa được kiểm toán của Công ty Cổ phần Thủy sản Út Xi.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Cơ khí Gas P.M.G	11.037.210.441	-	11.037.210.441	-
	11.037.210.441	-	11.037.210.441	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2016 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Cơ khí Gas P.M.G	Thành phố Hồ Chí Minh	49,00%	49,00%	Sản xuất, kinh doanh các loại vật tư, thiết bị, công nghệ ngành gas, xăng dầu, dầu khí

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex - Xí nghiệp Dịch vụ Kinh doanh	-	57.705.636
- Công ty TNHH Castrol BP Petco	6.693.367.411	1.098.047.499
- Công ty Cổ phần Dầu Khí Vũng Tàu	3.434.493.534	3.434.493.534
- International Paint Singapore Pte., Ltd	2.872.262.250	2.059.200.000
- Công ty TNHH Châu Thành	-	1.950.000.000
- Công ty TNHH Nuplex Resins (Việt Nam)	9.008.584.200	642.576.000
- Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Sài Gòn	11.150.400.000	517.000.000
- Công ty Cổ phần vật tư - TKV	8.335.100.000	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	37.580.790.696	27.834.976.678
	79.074.998.091	37.593.999.347
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 38)</i>	13.127.157.423	5.515.771.647

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Công ty Xăng dầu Khu vực II - TNHH MTV	1.013.848.848	-	4.153.272.486	-
- Công ty TNHH Perstima Việt Nam	2.837.709.987	-	2.178.559.282	-
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Ô Tô Nam Việt	-	-	4.443.750.000	-
- Chi nhánh Thủ Đức - Công ty Cổ phần Ô Tô Trường Hải	-	-	3.538.500.000	-
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Ô Tô Hàn	717.000.000	-	-	-
- Trả trước cho các đối tượng khác	1.576.760.688	-	2.111.184.016	-
	6.145.319.523	-	16.425.265.784	-

7 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác				
- Phải thu các cửa hàng kinh doanh xăng dầu về tiền bán hàng	941.826.764	-	1.506.612.069	-
- Phải thu về cổ tức từ Công ty TNHH Cơ khí Gas P.M.G	-	-	5.635.000.000	-
- Phải thu về thuế TNCN	351.720.859	-	353.132.592	-
- Phải thu về Bảo hiểm xã hội	951.066	-	845.014	-
- Tạm ứng	229.891.122	-	240.709.472	-
- Tạm ứng lợi nhuận cho Công ty TNHH Phát triển Thuận Gia	35.000.000	-	245.000.000	-
- Phải thu các khoản chi hộ Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	125.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	1.088.332.493	227.411.335	589.655.016	227.411.335
	2.772.722.304	227.411.335	8.570.954.163	227.411.335
b) Phải thu dài hạn khác				
- Ký cược, ký quỹ	565.000.000	-	615.000.000	-
	565.000.000	-	615.000.000	-

8 . TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Hàng tồn kho	31.719.082	27.304.222
	31.719.082	27.304.222

9 . NỢ XẤU

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				-
+ Đái Văn Hùng	227.411.335	-	227.411.335	-
+ Công ty Cổ phần Dầu khí Vũng Tàu	3.434.493.534	-	3.434.493.534	-
	3.661.904.869	-	3.661.904.869	-

030
CỘ
CỘ
CƠ
H-T.

0100117
CHI
CÔN
HÃNG
QUẬN 4.

10 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	22.950.924.956	-	16.590.974.625	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.944.561.617	-	7.006.657.760	-
Thành phẩm	6.733.302.008	-	10.540.281.366	-
Hàng hoá	5.399.279.020	-	21.522.559.914	-
	43.028.067.601	-	55.660.473.665	-

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Dự án 446 Nơ Trang Long ⁽¹⁾	863.085.429	863.085.429
Dự án Nhà xưởng Nhà Bè ⁽²⁾	3.240.091.818	3.240.091.818
Dự án Nhà máy sản xuất vỏ thùng phuy ⁽³⁾	116.293.643.830	270.000.000
	120.396.821.077	4.373.177.247

(1) Đây là dự án xây dựng Trung tâm thương mại và khu nhà cao tầng tại địa chỉ số 446 Nơ Trang Long, phường 13, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Các khoản chi phí đã phát sinh là các khoản chi phí tư vấn, thiết kế ban đầu của dự án. Hiện nay, Công ty đang tiến hành các thủ tục pháp lý cần thiết để trình UBND Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt dự án. Công ty đang triển khai các thủ tục để chuyển nhượng quyền sử dụng đất sau khi di dời các phân xưởng sản xuất đến nhà máy mới tại Khu công nghiệp Vinatex - Tân Tạo.

(2) Dự án Nhà xưởng Nhà Bè hiện nay đang tạm dừng thực hiện để chờ Tổng Công ty phê duyệt chủ trương triển khai trong giai đoạn tiếp theo. Chi phí đã đầu tư lũy kế 3,24 tỷ đồng chủ yếu là các khoản chi phí đo vẽ, dò phá bom mìn và san lấp mặt bằng. Công ty đang có kế hoạch chuyển giao dự án để thu hồi vốn đầu tư.

(3) Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35.

183
G T
HÀ
KH
DÀ
HỒ

105-C
NHÀ
GTYT
KIỂM
AASI
TP. HỒ

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	7.461.188.582	31.213.059.639	8.732.224.898	232.803.610	47.639.276.729
- Mua trong kỳ	-	280.000.000	1.478.193.063	-	1.758.193.063
Số dư cuối kỳ	7.461.188.582	31.493.059.639	10.210.417.961	232.803.610	49.397.469.792
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	5.517.643.007	27.150.142.948	7.284.579.562	155.803.604	40.108.169.121
- Khấu hao trong kỳ	152.405.046	435.470.091	277.419.301	17.666.664	882.961.102
Số dư cuối kỳ	5.670.048.053	27.585.613.039	7.561.998.863	173.470.268	40.991.130.223
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	1.943.545.575	4.062.916.691	1.447.645.336	77.000.006	7.531.107.608
Tại ngày cuối kỳ	1.791.140.529	3.907.446.600	2.648.419.098	59.333.342	8.406.339.569

Trong đó:

- Toàn bộ tài sản cố định hữu hình đã được thế chấp vay theo Hợp đồng bảo đảm số 0050/NHNT ngày 05/03/2012 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 29.408.552.598 VND.

13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	1.860.950.110	220.000.000	2.080.950.110
Số dư cuối kỳ	1.860.950.110	220.000.000	2.080.950.110
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	229.761.720	220.000.000	449.761.720
- Khấu hao trong kỳ	23.261.874	-	23.261.874
Số dư cuối kỳ	253.023.594	220.000.000	473.023.594
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	1.631.188.390	-	1.631.188.390
Tại ngày cuối kỳ	1.607.926.516	-	1.607.926.516

Trong đó:

- Quyền sử dụng đất: Là 3.000,5 m2 đất được Công ty sử dụng với mục đích kinh doanh xăng dầu tại khu đất phường Tân Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương với thời hạn sở hữu quyền sử dụng đất đến ngày 05/10/2055.

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 220.000.000 đồng.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí thuê đất năm 2016	1.955.008.384	-
Chi phí thuê mặt bằng cửa hàng	289.090.909	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	33.171.983	358.188.754
	2.277.271.276	358.188.754



15 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2016		Trong kỳ		30/06/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ⁽¹⁾	34.272.178.235	34.272.178.235	58.918.330.031	62.902.461.935	30.288.046.331	30.288.046.331
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn ⁽²⁾	-	-	55.057.023.056	25.879.656.970	29.177.366.086	29.177.366.086
	<u>34.272.178.235</u>	<u>34.272.178.235</u>	<u>113.975.353.087</u>	<u>88.782.118.905</u>	<u>59.465.412.417</u>	<u>59.465.412.417</u>



Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Số dư tại ngày 30/06/2016 bao gồm các Hợp đồng sau:

1.1 Hợp đồng tín dụng số 0055/KH/13NH ngày 18/03/2013, được gia hạn theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 03/CV-0055/KH/13NH ngày 31/03/2015, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn cho vay: 04 tháng kể từ ngày nhận nợ;
- + Lãi suất cho vay: 5%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 4.861.901.781 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Đảm bảo bằng tài sản theo Hợp đồng bảo đảm số 0050/NHNT ngày 05/03/2012.

1.2 Hợp đồng tín dụng số 0087/KHDN1/16NH ngày 27/04/2016, được sửa đổi bổ sung theo hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01/HĐSĐBS-01/CV-0087/KHDN1/16NH ngày 20/06/2016, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn cho vay: 06 tháng kể từ ngày nhận nợ;
- + Lãi suất cho vay: theo từng khế ước nhận nợ cụ thể;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 25.426.144.550 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Đảm bảo bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp số 0444/NHNT ngày 27/04/2016.

(2) Hợp đồng tín dụng số 441.0387/2015/HĐTDHM-DN/PGB.SG ngày 03/11/2015, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn cho vay: 04 tháng kể từ ngày nhận nợ;
- + Lãi suất cho vay: theo từng khế ước nhận nợ cụ thể;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty TNHH Minh Đức Minh Tâm	579.845.281	579.845.281	6.573.783.700	6.573.783.700
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Thái Minh Hoàng	-	-	2.240.227.000	2.240.227.000
- Công ty TNHH SAMSUN Việt Nam	24.523.829.881	24.523.829.881	312.485.690	312.485.690
- Công ty TNHH Posco Việt Nam	8.597.885.250	8.597.885.250	722.816.388	722.816.388
- Phải trả các đối tượng khác	15.893.504.028	15.893.504.028	15.374.103.198	15.374.103.198
	49.595.064.440	49.595.064.440	25.223.415.976	25.223.415.976
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	95.717.545	95.717.545	206.928.623	206.928.623
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 38)</i>				

006
ÁNH
TNH
M TI
3C
HỒ C

1838
NG T
PH
KH
G D
T.PH

Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu

446 Nơ Trang Long, Phường 13,
Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Cung ứng Nhựa đường	-	2.151.000.000
Doanh nghiệp tư nhân Thương mại Kim Long	-	2.539.000.000
Công ty Xăng dầu Phú Khánh	4.000.000.000	-
Doanh nghiệp tư nhân Thương mại Nguyễn Văn Quang	2.105.100.000	-
Người mua trả tiền trước khác	6.892.609.587	5.257.068.703
	<u>12.997.709.587</u>	<u>9.947.068.703</u>

C.T.
H
JÁN
HÍ M

6-C
U
CHI M

18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	79.072.937	936.685.709	1.000.114.188	-	15.644.458
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	7.055.136	-	58.237.397	51.182.261	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	409.645.190	3.035.937.252	1.550.448.196	-	1.895.134.246
Thuế Thu nhập cá nhân	147.754.566	-	500.548.080	464.590.179	111.796.665	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	1.300.989.600	3.955.008.384	1.983.225.974	-	3.272.772.010
Các loại thuế khác	-	-	7.000.000	7.000.000	-	-
	154.809.702	1.789.707.727	8.493.416.822	5.056.560.798	111.796.665	5.183.550.714

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	25.768.345	-
Trích trước chi phí thi công các công trình nhận dạng thương hiệu	538.163.900	135.091.318
Chi phí hoa hồng môi giới	188.898.290	115.138.350
Trích trước chi phí nhiên liệu đội vận tải	-	195.325.541
Chi phí gia công xe bồn	-	194.310.000
Trích chi phí vận chuyển (*)	700.000.000	-
Trích chi phí hội nghị khách hàng năm 2016	1.800.000.000	-
Trích trước chi phí nghỉ mát	1.200.000.000	-
Trích trước chi phí trang phục	800.000.000	-
Trích trước chi phí đào tạo (*)	800.000.000	-
Trích trước chi phí vệ sinh công nghiệp (*)	800.000.000	-
Chi phí phải trả khác	898.277.152	143.198.478
	7.751.107.687	783.063.687

(*) Các chi phí trích trước theo kế hoạch đầu tư, nhận chuyển nhượng nhà máy sản xuất vỏ thùng phuy đã được thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 21/04/2016.

20 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	21.075.680	20.735.053
- Kinh phí công đoàn	96.302.250	156.203.850
- Cổ tức phải trả	5.946.144.855	2.101.838.475
- Phải trả các đội về tiền thi công công trình	-	1.945.577.356
- Phải trả Cửa hàng Xăng dầu Bạch Đằng tiền chi hộ	347.201.626	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	225.962.775	82.096.258
	6.636.687.186	4.306.450.992
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	550.000.000	600.000.000
	550.000.000	600.000.000

21 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	853.988.031	853.988.031
	853.988.031	853.988.031

22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	72.276.620.000	25.425.165.374	(343.472.600)	14.912.229.122	8.253.531.675	120.524.073.571
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	23.608.192.733	23.608.192.733
Chi trả cổ tức năm 2014	-	-	-	-	(5.761.417.600)	(5.761.417.600)
Trích lập quỹ	-	-	-	469.174.324	(469.174.324)	-
Thù lao HĐQT từ LN năm 2014	-	-	-	-	(348.421.000)	(348.421.000)
Thù lao HĐQT từ LN năm 2015	-	-	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ LN năm 2014	-	-	-	-	(1.674.518.751)	(1.674.518.751)
Chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh từ lợi nhuận kỳ trước (*)	-	-	-	-	(446.833.700)	(446.833.700)
Số dư cuối kỳ trước	72.276.620.000	25.425.165.374	(343.472.600)	15.381.403.446	23.061.359.033	135.801.075.253
Số dư đầu kỳ này	72.276.620.000	25.425.165.374	(343.472.600)	29.079.939.584	17.854.799.314	144.293.051.672
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	12.555.904.124	12.555.904.124
Chi trả cổ tức năm 2015	-	-	-	-	(8.642.126.400)	(8.642.126.400)
Trích lập quỹ	-	-	-	5.109.216.841	(5.109.216.841)	-
Thù lao HĐQT từ LN năm 2015	-	-	-	-	(383.631.038)	(383.631.038)
Thù lao HĐQT từ LN năm nay	-	-	-	-	(130.500.000)	(130.500.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ LN năm 2015	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Thường Ban quản lý điều hành Công ty	-	-	-	-	(1.719.825.035)	(1.719.825.035)
Chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh từ lợi nhuận kỳ này (*)	-	-	-	-	(782.517.070)	(782.517.070)
Số dư cuối kỳ này	72.276.620.000	25.425.165.374	(343.472.600)	34.189.156.425	11.642.887.054	143.190.356.253

(*) Đây là khoản lợi nhuận sau thuế phải trả bên hợp tác liên kết kinh doanh (chi tiết xem thuyết minh số 35)

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 21/04/2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00	32.879.564.058
Lợi nhuận từ chuyển nhượng Bất động sản đã kết chuyển vào Quỹ ĐTPT	41,66	13.698.438.844
Trích Quỹ đầu tư phát triển	15,54	5.109.216.841
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6,08	2.000.000.000
Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	1,94	636.631.000
Thưởng ban Quản lý điều hành	5,23	1.719.825.035
Phân chia lợi nhuận kinh doanh	3,26	1.073.325.900
Chi trả cổ tức (bằng 12% vốn điều lệ)	26,28	8.642.126.400

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	30/06/2016 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2016 VND
Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	46,00	33.248.770.000	46,00	33.248.770.000
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Deawon Thủ Đức	23,01	16.634.000.000	23,01	16.634.000.000
Cổ đông khác	30,63	22.134.950.000	30,63	22.134.950.000
Cổ phiếu quỹ	0,36	258.900.000	0,36	258.900.000
	100,00	72.276.620.000	100,00	72.276.620.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	72.276.620.000	72.276.620.000
- Vốn góp đầu kỳ	72.276.620.000	72.276.620.000
- Vốn góp cuối kỳ	72.276.620.000	72.276.620.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	8.642.126.400	5.761.417.600
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	8.642.126.400	5.761.417.600

d) Cổ phiếu

	30/06/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.227.662	7.227.662
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.227.662	7.227.662
- Cổ phiếu phổ thông	7.227.662	7.227.662
Số lượng cổ phiếu được mua lại	25.890	25.890
- Cổ phiếu phổ thông	25.890	25.890
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.201.772	7.201.772
- Cổ phiếu phổ thông	7.201.772	7.201.772

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu

e) Các quỹ của công ty

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	34.189.156.425	29.079.939.584
	34.189.156.425	29.079.939.584

006
ÁNH
TNHH
M TÔI
C
CH

116-C
Y N
U
CHÍ MINH

23 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Ngoại tệ các loại

	30/06/2016	01/01/2016
Đô la Mỹ (USD)	244.507,44	122.183,85
	244.507,44	122.183,85

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	964.993.798	964.993.798
	964.993.798	964.993.798

24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	141.465.237.860	228.745.388.127
Doanh thu bán thành phẩm	199.357.413.840	169.888.116.385
Doanh thu bán bất động sản đầu tư	-	36.723.108.307
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	3.100.315.342
	340.822.651.700	438.456.928.161
	52.580.880.372	43.311.701.841

Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 38)

25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	134.666.022.300	216.736.408.002
Giá vốn của thành phẩm đã bán	164.541.313.842	150.201.557.852
Giá vốn bất động sản đầu tư đã bán	-	19.161.007.225
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	-	2.830.612.397
	299.207.336.142	388.929.585.476

26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi	690.776.225	302.713.962
Lãi bán hàng trả chậm tại cửa hàng và các đại lý	38.085.743	43.240.725
Lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Cơ khí Gas P.M.G	412.155.113	156.259.801
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	118.177.941	40.857.830
	1.259.195.022	543.072.318

27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.340.748.188	144.541.162
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	13.406.435	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	23.758.328	-
Hoàn nhập dự phòng chứng khoán kinh doanh	-	(15.894.091)
Chi phí tài chính khác	1.283.228	2.538.438
	1.379.196.179	131.185.509

28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	685.166.178	1.190.959.686
Chi phí nhân viên bán hàng	1.197.314.600	1.245.812.487
Chi phí khấu hao tài sản cố định	245.826.555	282.409.056
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.526.696.019	3.303.008.198
Chi phí khác bằng tiền	1.628.696.966	1.640.612.700
	6.283.700.318	7.662.802.127

29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	514.007.945	701.055.593
Chi phí nhân viên quản lý	7.628.337.534	7.609.718.941
Chi phí khấu hao tài sản cố định	217.985.617	148.594.351
Thuế, phí, lệ phí	2.022.699.990	650.494.800
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.424.032.889	1.400.373.017
Chi phí khác bằng tiền	7.812.709.097	1.570.842.533
	19.619.773.072	12.081.079.235

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	15.591.841.376	12.660.739.401
Các khoản điều chỉnh giảm	(412.155.113)	(156.259.801)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(412.155.113)	(156.259.801)
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	15.179.686.263	12.504.479.600
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.035.937.252	2.750.985.512
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	409.645.190	605.808.626
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(1.550.448.196)	(1.455.036.949)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ của hoạt động kinh doanh chính	1.895.134.246	1.901.757.189
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán từ hoạt động kinh doanh bất động sản	-	17.562.101.082
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	17.562.101.082
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	3.863.662.238
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	(3.863.662.238)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ của HĐKD bất động sản	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	3.035.937.252	6.614.647.750
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	1.895.134.246	1.901.757.189

31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	12.555.904.124	23.608.192.733
Các khoản điều chỉnh	(782.517.070)	(446.833.700)
- <i>Lợi nhuận chi trả cho bên hợp tác kinh doanh</i>	(782.517.070)	(446.833.700)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	11.773.387.054	23.161.359.033
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	7.201.772	7.201.772
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.635	3.216

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

00117
CHI
CÔN
HÃNG
TAN 4

D.N: 03/
CỔ
CỔ
XÃN
THÀNH

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	148.677.744.694	141.325.496.057
Chi phí nhân công	14.643.664.301	13.570.390.294
Chi phí khấu hao tài sản cố định	906.222.976	982.595.344
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.256.621.442	12.668.005.615
Chi phí khác bằng tiền	13.060.689.283	5.392.944.110
	185.544.942.696	173.939.431.420

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.164.668.753	-	85.940.394.688	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	82.412.720.395	(3.661.904.869)	46.779.953.510	(3.661.904.869)
Đầu tư ngắn hạn	355.000.000	(295.187.954)	355.000.000	(295.187.954)
	94.932.389.148	(3.957.092.823)	133.075.348.198	(3.957.092.823)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	59.465.412.417	34.272.178.235
Phải trả người bán, phải trả khác	56.781.751.626	30.129.866.968
Chi phí phải trả	7.751.107.687	783.063.687
	123.998.271.730	65.185.108.890

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

105-0
NHÃI
3 TY TP
KIỂM
AASC
TP.HỒ
1838
NG T
PHÂN
KHÍ
G D
T.P.HỒ

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.164.668.753	-	-	12.164.668.753
Phải thu khách hàng, phải thu khác	78.185.815.526	565.000.000	-	78.750.815.526
Đầu tư ngắn hạn	59.812.046	-	-	59.812.046
	90.410.296.325	565.000.000	-	90.975.296.325
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	85.940.394.688	-	-	85.940.394.688
Phải thu khách hàng, phải thu khác	42.503.048.641	615.000.000	-	43.118.048.641
Đầu tư ngắn hạn	59.812.046	-	-	59.812.046
	128.503.255.375	615.000.000	-	129.118.255.375

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

06-C.T.1
VH
IHH
TOÁN
CHÍ MINH

06-C.T.1
VH
IHH
TOÁN
CHÍ MINH

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2016				
Vay và nợ	59.465.412.417	-	-	59.465.412.417
Phải trả người bán, phải trả khác	56.231.751.626	550.000.000	-	56.781.751.626
Chi phí phải trả	7.751.107.687	-	-	7.751.107.687
	123.448.271.730	550.000.000	-	123.998.271.730
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	34.272.178.235	-	-	34.272.178.235
Phải trả người bán, phải trả khác	29.529.866.968	600.000.000	-	30.129.866.968
Chi phí phải trả	783.063.687	-	-	783.063.687
	64.585.108.890	600.000.000	-	65.185.108.890

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	113.975.353.087	9.603.760.340
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	88.782.118.905	31.386.370.736

35 . THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các hợp đồng hợp tác kinh doanh:

- (a) Ngày 04 tháng 08 năm 2010, Công ty ký hợp đồng góp vốn với Doanh nghiệp tư nhân (DNTN) Kinh doanh Xăng dầu Kim Hương cùng hợp tác kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu tại địa chỉ ấp 1A, xã Long Xuyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Nội dung hợp đồng như sau:
- DNTN Kim Hương góp vốn bằng khu đất có diện tích 460,3 m² tại xã Long Xuyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu góp vốn bằng tiền để đầu tư trang thiết bị, xăng dầu phục vụ kinh doanh bán lẻ, Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu sẽ chịu trách nhiệm quản lý và hạch toán sổ sách kế toán.
 - Thời hạn thực hiện hợp đồng: Từ 04/08/2010 đến 30/04/2020;
 - Phân chia lợi nhuận sau thuế: lợi nhuận được chia cố định cho DNTN Kim Hương như sau:
 - + Từ 03/08/2010 đến 31/05/2012 là 7.000.000 đồng/tháng.
 - + Từ 01/06/2012 đến 31/05/2020 mỗi năm tăng 10%.
 - Hết thời hạn hợp tác, Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu sẽ bàn giao lại tài sản là khu đất cho bên góp vốn.
- (b) Ngày 26 tháng 01 năm 2013, Công ty ký hợp đồng liên kết kinh doanh số 04/2013/HĐLKKD với Công ty Cổ phần Công trình Giao thông 610 về việc góp vốn đầu tư kinh doanh bán lẻ xăng dầu. Nội dung hợp đồng như sau:
- Công ty Cổ phần Công trình Giao thông 610 góp bằng khu đất có diện tích 316 m² tại địa chỉ số 982 - Quốc lộ 1A, phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh dùng để xây dựng văn phòng, lắp đặt, kinh doanh trạm xăng. Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu góp vốn 1 tỷ đồng để đầu tư trang thiết bị, xăng dầu phục vụ kinh doanh bán lẻ;
 - Thời hạn thực hiện hợp đồng: Từ 01/02/2013 đến 31/08/2018;
 - Phân chia lợi nhuận sau thuế: Công ty Cổ phần Công trình Giao thông 610 khoán mức lợi nhuận sau thuế cho Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu, theo đó mỗi tháng Công ty phải trả Công ty Công trình giao thông 610 số tiền lợi nhuận sau thuế là 85 triệu đồng.
 - Hết thời hạn hợp tác, Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu sẽ bàn giao lại tài sản là khu đất cho bên góp vốn.
 - Trong năm 2014, theo Công văn số 163/Cienco 610 ngày 26 tháng 08 năm 2014, Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 610 thỏa thuận giảm phần phân chia lợi nhuận cửa hàng xăng dầu này như sau:
 - + Giảm phần lợi nhuận cố định hàng tháng sau thuế cho Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu từ 85 triệu đồng/tháng xuống còn 65 triệu đồng/tháng kể từ ngày 01/07/2014 đến hết ngày 30/06/2015.
 - Trong năm 2015, theo Công văn số 222/Cienco 610 ngày 08 tháng 12 năm 2015, Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 610 thỏa thuận giảm phần phân chia lợi nhuận cửa hàng xăng dầu này như sau:
 - + Giảm phần lợi nhuận cố định hàng tháng sau thuế cho Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu từ 85 triệu đồng/tháng xuống còn 65 triệu đồng/tháng kể từ ngày 01/07/2015 đến hết ngày 31/12/2015.
 - + Từ ngày 01/01/2016, phần phân chia lợi nhuận của cửa hàng xăng dầu này là 85 triệu đồng/tháng.
- (c) Ngày 01 tháng 08 năm 2015, Công ty ký hợp đồng liên kết kinh doanh số 015/CT-HĐ với Công ty TNHH Phát triển Thuận Gia về việc góp vốn đầu tư kinh doanh bán lẻ xăng dầu. Nội dung hợp đồng như sau:
- Công ty TNHH Phát triển Thuận Gia (Bên A) đồng ý góp vốn bằng 01 mặt bằng có cửa hàng xăng dầu tại địa chỉ 2A/71-72, Ấp 2, Tinh lộ 10, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng (Bên B) đồng ý góp vốn bằng cung cấp hàng hóa xăng dầu để phục vụ kinh doanh bán lẻ xăng dầu.
 - Thời hạn thực hiện hợp đồng là từ ngày 01/08/2015 đến ngày 31/05/2020.
 - Bên A giao cho Bên B toàn quyền tự chủ quản lý điều hành, tổ chức kinh doanh và chịu trách nhiệm về hiệu quả kinh doanh.
 - Bên A được Bên B phân chia lợi nhuận sau thuế cố định trong năm năm liên kết kinh doanh là 35 triệu đồng/tháng.



2. Nhận chuyển nhượng nhà máy sản xuất vỏ thùng phuy

Như đã thuyết minh trên báo cáo tài chính năm 2015, ngày 18/01/2016, Công ty đã thực hiện ký kết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu công trình xây dựng số 001/HD/SAMSUN-PMS và Hợp đồng chuyển nhượng dây chuyền thiết bị sản xuất vỏ thùng phuy số 001/HD/SAMSUN-PMS. Các hợp đồng đã được công chứng vào ngày 26/01/2016. Một số nội dung trên hợp đồng như sau:

- Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO946438 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 07/05/2009, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00017;
- Quyền sở hữu công trình xây dựng đối với toàn bộ công trình xây dựng theo Giấy chứng nhận chủ sở hữu Công trình xây dựng số 757422647900125 do Trưởng ban quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai cấp ngày 26/05/2009, hồ sơ gốc số 001-25;
- Toàn bộ dây chuyền thiết bị sản xuất các loại phuy cùng với các công trình phụ trợ cho dây chuyền sản xuất này được lắp đặt tại khuôn viên đất và công trình xây dựng nêu trên;
- Thời gian thực hiện hợp đồng là 04 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Tổng giá trị chuyển nhượng của hai hợp đồng nêu trên là 127,6 tỷ VND bao gồm thuế GTGT.

Căn cứ theo hai hợp đồng chuyển nhượng tài sản nêu trên, Công ty TNHH Samsun Việt Nam (Bên bàn giao) và Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu (Bên tiếp nhận) đã tiến hành bàn giao các tài sản được chuyển nhượng như sau:

- Ngày 22/04/2016, Bên bàn giao đã ký biên bản bàn giao cho bên tiếp nhận hệ thống máy móc thiết bị sản xuất vỏ thùng phuy với tình trạng hoạt động bình thường.
- Ngày 14/06/2016, Bên bàn giao đã ký biên bản bàn giao cho bên tiếp nhận các nội dung sau:
 - + Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số CD 582309 ký ngày 17/03/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp;
 - + Quyền chủ sở hữu Công trình xây dựng là các nhà xưởng, nhà văn phòng và các công trình khác đúng theo giấy chứng nhận số CD 582309 ký ngày 17/03/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp;
 - + Các hồ sơ, chứng từ, tài liệu bàn giao theo Hợp đồng Chuyển nhượng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu công trình xây dựng ký ngày 26/01/2016;

Đến thời điểm 30/06/2016, toàn bộ tài sản nhận chuyển nhượng nêu trên đang được Công ty ghi nhận vào khoản mục Chi phí xây dựng cơ bản dở dang với tổng giá trị 116.293.643.830 VND. Hệ thống nhà xưởng, dây chuyền máy móc thiết bị này đang chờ bàn giao đưa vào sử dụng tại Công ty con của Công ty là Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai.

3. Thành lập Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng Quản trị lần 01 Nhiệm kỳ V ngày 11/05/2016, Hội đồng quản trị Công ty đã quyết nghị thành lập Công ty TNHH MTV Cơ khí Xăng dầu Đồng Nai, chi tiết như sau:

- Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 3603377717, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 05 năm 2016;
- Địa chỉ trụ sở: Lô 108 - 109 - 110, Khu công nghiệp Dệt may Nhơn Trạch, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam;
- Chủ sở hữu là Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu;
- Người đại diện pháp luật, Giám đốc: Ông Đoàn Đắc Học;
- Chủ tịch Công ty: Ông Trịnh Bá Bộ.
- Vốn điều lệ: 51.000.000.000 đồng được góp bằng Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận CD 582309 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 17/03/2016. Tài sản mang đi góp vốn và tỷ lệ góp góp được thực hiện căn cứ theo Quyết định số 047/PMS-QĐ ngày 12/05/2016 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu.

36. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

301111
CHI N
CÔNG
ANG K
A
N4-T
30183
CÔNG
CỔ PH.
CƠ KH
XĂNG D
H.T.P.V

37 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Thương mại	Sản xuất	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	141.465.237.860	199.357.413.840	340.822.651.700
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6.799.215.560	34.816.099.998	41.615.315.558
Tổng chi phí mua TSCĐ	1.758.193.063	116.023.643.830	117.781.836.893
Tài sản bộ phận trực tiếp	38.842.586.169	198.897.556.974	237.740.143.143
Tài sản không phân bổ		-	54.065.278.042
Tổng tài sản	38.842.586.169	198.897.556.974	291.805.421.185
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	12.788.143.973	65.483.039.245	78.271.183.218
Nợ phải trả không phân bổ		-	70.343.881.714
Tổng nợ phải trả	12.788.143.973	65.483.039.245	148.615.064.932

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty.

38 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

Mối quan hệ	6 tháng	6 tháng
	đầu năm 2016	đầu năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ		
- Công ty Xăng dầu Bình Định	Cùng Công ty mẹ	- 4.759.090.909
- Công ty Xăng dầu Long An	Cùng Công ty mẹ	119.272.727 525.816.632
- Công ty Xăng dầu Cà Mau	Cùng Công ty mẹ	438.655.491 219.500.000
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Tiền Giang	Cùng Công ty mẹ	- 2.356.500.169
- Công ty Cổ phần Nhiên liệu Bay Petrolimex	Cùng Công ty mẹ	65.000.000 96.000.000
- Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	Cùng Công ty mẹ	72.000.000 108.000.000
- Công ty TNHH Cung ứng Nhựa Đường	Cùng Công ty mẹ	- 2.170.000.000
- Chi nhánh Xăng dầu Bình Thuận	Cùng Công ty mẹ	229.230.000 142.405.000
- Chi nhánh Xăng dầu Bình Phước - Công ty Xăng dầu Sông Bé - TNHH MTV	Cùng Công ty mẹ	- 92.591.818
- Công ty Xăng dầu Phú Khánh	Cùng Công ty mẹ	842.048.000 522.324.936
- Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ	Cùng Công ty mẹ	142.944.557 181.582.728
- Công ty Xăng dầu Bắc Tây Nguyên	Cùng Công ty mẹ	906.600.000 517.250.000
- Công ty Xăng dầu Nam Tây Nguyên	Cùng Công ty mẹ	14.467.272.727 881.565.535
- Công ty TNHH Xăng dầu Lâm Đồng	Cùng Công ty mẹ	5.507.272.727 883.146.994
- Công ty Xăng dầu Đồng Tháp	Cùng Công ty mẹ	952.727.273 -
- Công ty Xăng dầu Vĩnh Long	Cùng Công ty mẹ	162.724.858 -
- Công ty Xăng dầu Bến Tre	Cùng Công ty mẹ	135.985.720 431.970.136

05-C
 HẢ
 TYT
 KIỂM
 ASC
 PHC
 16-C
 Y
 N
 CHINH

Giao dịch phát sinh trong kỳ: (tiếp theo)

Mỗi quan hệ	6 tháng	6 tháng	
	đầu năm 2016	đầu năm 2015	
	VND	VND	
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ (tiếp theo)			
- Tổng Công ty hóa dầu Petrolimex - CTCP	Cùng Công ty mẹ	3.102.450.000	3.256.395.000
- Công ty TNHH Xăng dầu Kiên Giang	Cùng Công ty mẹ	-	1.300.000
- Xí nghiệp Dịch vụ Xây lắp và Thương mại Petrolimex Sài Gòn	Cùng Công ty mẹ	430.675.000	298.770.000
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex	Cùng Công ty mẹ	-	32.584.000
- Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Cùng Công ty mẹ	118.000.000	207.136.000
- Xí nghiệp Bán lẻ Xăng dầu Sài Gòn	Cùng Công ty mẹ	-	200.177.851
- Công ty TNHH MTV Xăng dầu Khu vực III	Cùng Công ty mẹ	4.790.000.000	11.245.454.545
- Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bà Rịa - Vũng Tàu	Cùng Công ty mẹ	-	842.512.987
- Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tây Ninh	Cùng Công ty mẹ	138.500.000	936.282.909
- Công ty TNHH MTV Xăng dầu An Giang	Cùng Công ty mẹ	925.084.408	126.532.000
- Công ty Xăng dầu Đồng Nai	Cùng Công ty mẹ	577.182.250	553.761.692
- Công ty Cổ phần Xây lắp 1 - Petrolimex	Cùng Công ty mẹ	-	3.050.000
- Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Sài Gòn	Cùng Công ty mẹ	16.560.000.000	11.720.000.000
- Công ty Bảo hiểm PJICO Long An	Cùng Công ty mẹ	14.540.000	-
- Công ty Xăng dầu Nghệ An	Cùng Công ty mẹ	54.000.000	-
- Công ty Xăng dầu Thừa Thiên Huế	Cùng Công ty mẹ	212.760.000	-
- Công ty Xăng dầu Tiền Giang	Cùng Công ty mẹ	374.554.633	-
- Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Cổ đồng sáng lập	1.241.400.000	-
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ			
- Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	Cùng Công ty mẹ	459.629.710	383.111.365
- Công ty Xăng dầu Khu vực II	Cùng Công ty mẹ	134.077.132.396	215.814.264.000
- Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Cùng Công ty mẹ	-	15.360.000
- Công ty Cổ phần Thiết bị Xăng dầu Petrolimex	Cùng Công ty mẹ	-	39.949.000

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán kỳ:

Mỗi quan hệ	30/06/2016	01/01/2016	
	VND	VND	
Phải thu ngắn hạn khách hàng			
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex	Cùng Công ty mẹ	-	57.705.636
- Chi nhánh Xăng dầu Kontum	Cùng Công ty mẹ	-	396.440.000
- Công ty TNHH MTV Xăng Dầu An Giang	Cùng Công ty mẹ	-	171.575.489
- Công ty TNHH xăng dầu Lạm Đồng	Cùng Công ty mẹ	-	221.988.517
- Công ty Xăng dầu Bến Tre	Cùng Công ty mẹ	-	98.939.417
- Công ty Xăng dầu Đồng Nai	Cùng Công ty mẹ	-	472.366.964
- Công ty Xăng dầu Nam Tây Nguyên	Cùng Công ty mẹ	-	49.000.000
- Công ty Xăng dầu Tây Ninh	Cùng Công ty mẹ	-	207.807.714
- Công ty Xăng dầu Nghệ An	Cùng Công ty mẹ	30.000.000	-
- Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	Cùng Công ty mẹ	39.600.000	118.800.000
- Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Cùng Công ty mẹ	64.900.000	196.460.000
- Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Cùng Công ty mẹ	71.610.000	71.610.000
- Công ty Xăng dầu Bến Tre	Cùng Công ty mẹ	98.939.417	-
- Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bắc Tây Nguyên	Cùng Công ty mẹ	145.200.000	1.399.530.000
- Công ty Xăng dầu Trà Vinh	Cùng Công ty mẹ	302.625.486	302.625.486
- Công ty Xăng dầu Nam Tây Nguyên	Cùng Công ty mẹ	375.000.000	-

06-C.
NH
NH
TOÁN
CHÍNH

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán kỳ:

	Mối quan hệ	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng (tiếp theo)			
- Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP	Cùng Công ty mẹ	393.872.424	583.072.424
- Công ty Xăng dầu Tiền Giang	Cùng Công ty mẹ	455.010.096	650.850.000
- Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Sài Gòn	Cùng Công ty mẹ	11.150.400.000	517.000.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn			
- Công ty Xăng dầu khu vực II - TNHH MTV	Cùng Công ty mẹ	1.013.848.848	-
Phải trả cho người bán ngắn hạn			
- Chi nhánh Phía Nam - Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex	Cùng Công ty mẹ	5.500.000	5.500.000
- Công ty TNHH Gas Petrolimex (Sài Gòn)	Cùng Công ty mẹ	90.217.545	145.819.223
- Công ty Cổ phần Thiết bị Xăng dầu Petrolimex (Peco) - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Công ty mẹ	-	6.809.000
- Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	Cùng Công ty mẹ	-	48.800.400
Người mua trả tiền trước ngắn hạn			
- Công ty Xăng dầu Đồng Nai	Cùng Công ty mẹ	155.320.525	-
- Công ty Cổ Phần Xây Lắp 1 - Petrolimex	Cùng Công ty mẹ	31.500.000	31.500.000
- Công ty Xăng dầu Phú Khánh	Cùng Công ty mẹ	4.000.000.000	-
- Công ty Xăng dầu Đồng Tháp	Cùng Công ty mẹ	-	419.200.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.857.013.500	1.287.305.000

39 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh giữa niên độ tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh giữa niên độ tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hương Lê

Phòng Kế toán



Đỗ Thị Hồng Hạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2016

Giám đốc



Đoàn Đắc Học

HÃNG KIỂM TOÁN AASC

AASC TẠI HÀ NỘI - TRỤ SỞ CHÍNH

T: (84) 4 3824 1990 | F: (84) 4 3825 3973

E: aaschn@hn.vnn.vn

A: Số 1 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

AASC TẠI TP HỒ CHÍ MINH

T: (84) 8 3945 0505 - (84) 8 3945 0606 | F: (84) 8 3945 1106

E: aaschcm@aasc.com.vn

A: Lầu 03, Tòa nhà Galaxy 9, Số 09 Nguyễn Khoái, Phường 01, Quận 04, Tp.HCM

AASC TẠI QUẢNG NINH

T: (84) 33 3627 571 | F: (84) 33 3627 572

E: aascqn@aasc.com.vn

A: Số 8 Chu Văn An, Hạ Long, Quảng Ninh